TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 469/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Phong;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 727/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 33, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 33, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà N, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T là do tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2005, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bà và ông T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, không ai quan tâm đến ai nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung: 01/ Lê Vĩnh T, sinh ngày 01/10/2006; 02/ Lê Vĩnh T', sinh ngày 16/11/2013, hiện hai con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông thống nhất với bà N về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông với bà N sống chung từ năm 2005 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Hiện hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2022. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà N trình bày. Khi ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung cho bà N được tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với bà N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự thống nhất, không bổ sung chứng cứ mới và không có ý kiến.

Tại phiên toà:

Hội đồng đồng xét xử đã công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa theo quy định.

Bà N, ông T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Bà N và ông T sống chung từ năm 2005 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX không công nhận bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung: 01/ Lê Vĩnh T, sinh ngày 01/10/2006; 02/ Lê Vĩnh T', sinh ngày 16/11/2013, hiện hai con chung đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu T' và ông T cũng thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu T' cho bà N được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà N không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T. Ông T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bà N và ông T vẫn bảo lưu ý kiến, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông bà theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà N và ông T được xác lập do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và sống chung vào năm 2005. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng bà N và ông T xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông, bà là phù hợp với Giấy xác nhận số: 1051/GXN-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà N và ông T là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Bà N và ông T cùng xác định có 02 con chung tên: 01/ Lê Vĩnh T, sinh ngày 01/10/2006; 02/ Lê Vĩnh T', sinh ngày 16/11/2013, hiện hai con chung đang sống với bà N. Bà N và ông T thống nhất: Bà N được tiếp tục nuôi cháu T và cháu T', ông T không cấp dưỡng nuôi con chung, các cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với bà N. Xét, để nhằm ổn định tâm sinh lý, về điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu T và cháu T' cho bà N tiếp tục nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục nuôi hai con chung tên 01/ Lê Vĩnh T, sinh ngày 01/10/2006; 02/ Lê Vĩnh T', sinh ngày 16/11/2013.

Công nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Ngân đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007155 ngày 30/9/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang